

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

“Vì sao? Ta không nói tu tập tất cả thân lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả thân lạc. Ta không nói tu tập tất cả thân khổ, cũng không nói không nên tu tập tất cả thân khổ. Ta không nói tu tập tất cả tâm lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả về tâm lạc. Ta không nói tu tập tất cả tâm khổ, cũng không nói không nên tu tập tất cả tâm khổ.

“Thế nào là thân lạc mà ta nói là không tu? Nếu tu thân lạc mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm, thì thân lạc như vậy ta nói không tu. Thế nào là thân lạc mà Ta nói tu? Nếu tu thân lạc mà pháp ác bất thiện giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân lạc như vậy ta nói tu. Thế nào là thân khổ mà ta nói không tu? Nếu tu thân khổ mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm, thân khổ như vậy, ta nói không tu. Thế nào là thân khổ mà ta nói tu? Nếu tu thân khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Thân khổ như vậy, ta nói tu.

“Thế nào là tâm lạc ta nói không tu? Nếu tu tâm lạc mà các pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Tâm lạc như vậy, ta nói không tu. Thế nào là tâm lạc ta nói phải tu? Nếu tu tâm lạc mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Tâm lạc như vậy ta nói tu. Thế nào là tâm khổ mà ta nói không tu? Nếu tu tâm khổ mà các pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Tâm khổ như vậy ta nói không tu. Thế nào là tâm khổ mà ta nói tu? Nếu tu tâm khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng, tâm khổ như vậy, ta nói tu.

“Người kia đối với pháp nên tu mà biết đúng như thật, đối với pháp không nên tu cũng biết đúng như thật; và khi đã biết đúng như thật về pháp nên tu và pháp không nên tu, người ấy liền không tu pháp không nên tu, và tu pháp nên tu. Sau khi đã không tu pháp không nên tu, và tu pháp nên tu rồi, pháp ác bất thiện liền giảm, pháp thiện tăng trưởng.

“Ta không nói tất cả Tỳ-kheo đều thực hành sự không phóng dật, cũng không nói tất cả các Tỳ-kheo đều không thực hành sự không phóng dật.

“Thế nào là Tỳ-kheo không thực hành sự không phóng dật? Nếu có vị Tỳ-kheo nào chứng câu giải thoát¹. Thế nào là Tỳ-kheo có câu giải thoát? Nếu có Tỳ-kheo đối với tám

¹. Câu giải thoát tức Câu phần giải thoát ————Gọi là Cu phần vì có hai phần chướng, phiền não phần chướng và giải thoát phần chướng (xem Tập Dị Môn Luận 17, Đại 26 tr.436a). Pāli:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

giải thoát, thân đã chứng², thành tựu an trú, do tuệ kiến³ mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ. Như vậy là Tỳ-kheo có câu giải thoát. Vị Tỳ-kheo này ta nói thực hành sự không phóng dật. Nếu Hiền giả này vốn có phóng dật thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy, Ta nói vị Tỳ-kheo này không thực hành sự không phóng dật.

“Hoặc có Tỳ-kheo không phải câu giải thoát mà có tuệ giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát? Nếu có Tỳ-kheo đối với tám giải thoát mà thân không chứng, thành tựu an trú, nhưng do tuệ kiến mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ. Như vậy là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo này Ta nói không thành tựu sự không phóng dật. Vì sao? Vì Hiền giả này vốn đã thành tựu sự không phóng dật. Nếu Hiền giả này vốn có phóng dật thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy Ta nói vị Tỳ-kheo này không thành tựu sự không phóng dật.

“Hai hạng Tỳ-kheo này Ta nói không thành tựu sự không phóng dật. Đây các Tỳ-kheo, tại sao Ta nói thành tựu sự không phóng dật? Hoặc có Tỳ-kheo không có câu giải thoát, cũng không có tuệ giải thoát mà có thân chứng. Thế nào là Tỳ-kheo có thân chứng? Nếu có Tỳ-kheo đối với tám giải thoát, thân đã chứng, thành tựu an trú, không do tuệ kiến mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ⁴. Như vậy là Tỳ-kheo có thân chứng. Tỳ-kheo này Ta nói thực hành sự không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói Tỳ-kheo ấy hành không phóng dật? Ở đây, vị Tỳ-kheo này tìm cách chế ngự các căn⁵, học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú⁶, các lậu đã diệt tận, đắc được vô lậu, giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trú, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này không phóng dật, có được quả như thế, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này thực hành sự không phóng dật.

“Hoặc có vị Tỳ-kheo không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, cũng không phải thân chứng, nhưng lại kiến đáo⁷. Thế nào là Tỳ-kheo có kiến đáo? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy thuộc pháp được nghe, rồi do tuệ mà có tăng thượng quán và tăng thượng nhãn⁸. Như thế, vị Tỳ-kheo này có kiến đáo. Vị Tỳ-kheo này Ta nói không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? nếu có Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập các vị thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, các lậu đã tận diệt, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri tự giác, tự chứng, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh

Ubhatobhāgavimutta.

2. Thân xúc —F—Tập Di (đd.,nt.): Thân dĩ chứng —w—C Pāli: santā vimokhā atkama rūpe āruppā te kāyena phassitvā viharati, tịch tịnh giải thoát, vượt qua các sắc và vô sắc, sau khi thể nghiệm bằng thân, vị ấy an trú.
3. Tuệ kiến, Pāli: paññāya cassa divā, sau khi thấy bằng tuệ.
4. “Căn cứ vào sự chứng đắc diệt định mà thành lập thân chứng, tức là do thân chứng đắc diệt định vậy” (Cu-xá: 25, No.1558, Đại 29 tr.131b).
5. Cầu ư chư căn —D—C Pāli: indriyāni samannayāmano, đang chế ngự các căn.
6. Hành tùy thuận trụ chỉ —H—C Pāli: anulomikāni senāsanāni paṭisevāmano, đang sử dụng các thứ sàng tọa đúng quy định (một cách tùy thuận).
7. Kiến đáo —A— cũng gọi là kiến chí. Pāli: diṭṭhipatto.
8. Tức là bậc Thánh này căn cứ trên địa vị tùy pháp hành (xem dưới) chứng đắc Đạo loại trí, với sự bén nhạy của tuệ (Tập Di đd., tr.435c Cu-xá đd., nt.). Pāli: paññāya vodiṭṭhā honti vocaritā, do tuệ mà quán sát và thấu triệt.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nữa.’ Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật có quả như vậy. Cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

“Nếu Tỳ-kheo nào không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, cũng không phải thân chứng, cũng không phải kiến đáo, nhưng lại có tín giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tín giải thoát? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà có quán và nhãn nhận, không bằng kiến đáo⁹. Như vậy là vị Tỳ-kheo này có tín giải thoát. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả gì, khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? nếu có vị Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự được các căn, học tập theo các vị thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, các lậu đã diệt tận, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả như vậy, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

“Nếu có vị Tỳ-kheo nào không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo cũng không có tín giải thoát, nhưng có pháp hành¹⁰. Thế nào là Tỳ-kheo có pháp hành? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin tuyệt đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà có tăng thượng quán, tăng thượng nhãn¹¹. Như vậy, Tỳ-kheo này có pháp hành. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Nếu có Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, đối với trong hai quả chắc chắn sẽ đạt được một. Hoặc ngay trong hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư được A-na-hàm. Vì Ta thấy vị này hành không phóng dật, có quả như vậy. Cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

“Nếu có Tỳ-kheo nào không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo, không có tín giải thoát, không có pháp hành, nhưng lại có tín hành. Thế nào là Tỳ-kheo có tín hành? Nếu vị Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà quán và nhãn, không như pháp hành. Như vậy, Tỳ-kheo này có tín hành. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Nếu có vị Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, đối với trong hai quả chắc chắn sẽ đạt được một, hoặc ngay trong hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư, đắc A-na-hàm. Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Các vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật.

“Ta không nói tất cả Tỳ-kheo được cứu cánh trí, cũng không nói tất cả các Tỳ-

kheo ngay từ đầu được cứu cánh trí, song dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo

huấn, chịu khiển trách, sau đó các Tỳ-kheo mới được cứu cánh trí, cứu cánh trí mà các

⁹. Câu-xá, dd.nt., căn cứ trên Tùy tín hành (xem dưới) mà chứng đắc Đạo loại trí, khả năng của tuệ không bèn nhạy phải nương vào tín.

¹⁰. *Pháp hành*, hay *tùy pháp hành* —H—k—C—“Với bản tánh nhiều tư duy phân tích, mà học về bốn Diệu đế, quán sát khổ đế (*tuệ tăng thượng*) rồi thấy rõ nhận thức về sự thật của khổ đế (*nhân tăng thượng*) như vậy là chứng bậc *tùy hành pháp*” (tóm tắt, Tập Dị dd. nt.). Pāli: dhammānusāri.

¹¹. Pāli: (...) mattaso nijjhānam khamanti, bằng vào tuệ mà chấp nhận sự lý giải hạn một cách hạn chế.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tỳ-kheo chứng đắc này.

“Thế nào là dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn và khiển trách, sau đó các Tỳ-kheo mới được cứu cánh trí, cứu cánh trí mà các Tỳ-kheo chứng đắc này? Nếu có tín giả nào liền tìm đến. Tìm đến rồi liền phụng sự; phụng sự rồi liền nhất tâm nghe pháp; nhất tâm nghe pháp rồi liền thọ trì pháp; thọ trì pháp rồi liền tư duy về pháp; tư duy về pháp rồi liền chấp nhận¹²; chấp nhận rồi liền quán sát về pháp. Đệ tử hiền thánh quán sát về pháp rồi thì tự thân tác chứng chân đế, và do tuệ có tăng thượng quán¹³. Vị ấy liền nghĩ, ‘Chân đế này, tự thân Ta chưa từng tác chứng cũng không phải được tăng thượng quán bằng tuệ. Ta hãy tự thân tác chứng chân đế này, và do tuệ mà tăng thượng quán. Như vậy dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn và khiển trách, rồi sau các Tỳ-kheo mới đắc cứu cánh trí, cứu cánh trí mà các Tỳ-kheo chứng đắc này.’”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói rằng:

“Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, có pháp được gọi là Tứ cú, Ta nói cho các người nghe, các người có muốn biết không?”

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa:

“Bạch Thế Tôn! Chúng con là hạng người nào và do đâu hiểu được pháp?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn nghĩ rằng:

“Hạng người ngu si này vượt quá sự chỉ dạy của Ta. Đối với pháp luật chân chính này, còn cách biệt quá lâu dài. Nếu có vị thầy pháp luật nào tham trước việc ăn uống, không xả ly việc ăn uống mà đệ tử của vị ấy còn không nên dục tốc, phóng dật. Huống chi Ta lại là người không tham trước việc ăn uống, viễn ly sự ăn uống, do đó tín đệ tử của Ta nên nói, ‘Đức Thế Tôn là bậc thầy của ta. Ta là đệ tử của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói pháp cho ta nghe. Đức Thiện Thệ nói pháp cho ta nghe. Mong cho ta được thiện lợi, hữu ích, được an ổn khoái lạc lâu dài. Tín đệ tử kia đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của Thế Tôn được nhiều lợi ích. Đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập trong cảnh giới của Thế Tôn, an chỉ trong cảnh giới của Thế Tôn. Nếu trú ở phương Đông, chắc chắn sẽ được an lạc, không có chỗ khổ hoạn. Nếu trú ở phương Nam, phương Tây và phương Bắc, chắc chắn sẽ được an lạc, không có các khổ hoạn.’ Nếu tín đệ tử nào đối với cảnh giới của Thế Tôn mà có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của Thế Tôn, được nhiều điều lợi ích, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập cảnh giới của Thế Tôn, an chỉ cảnh giới của Thế Tôn. Tín đệ tử ấy đối với pháp thiện đã trụ, Ta không còn nói, huống chi nói đến pháp suy thoái, nhưng ngày đêm vẫn tăng trưởng pháp thiện, chớ không suy thoái. Nếu Tín đệ tử nào đối với cảnh giới của Đức Thế Tôn có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của Thế Tôn được nhiều lợi ích, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập vào cảnh giới của Thế Tôn, an chỉ trong cảnh giới của Thế Tôn, trong hai quả, chắc chắn sẽ đạt được một, hoặc hiện tại được cứu cánh trí, nếu hữu dư, chứng được A-na-hàm.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹². Hán: bình lượng ---q-CPāli: dhammā nijjhānam khamanti, hoan hỷ chấp nhận pháp.

¹³. Pāli: paññāya nam ativijja passati, do tuệ mà thấy pháp ấy một cách tinh mật.